

CÔNG TY TNHH VIỆT NHẬT SOLUTIONS
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH VIỆT NHẬT SOLUTIONS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NHAT SOLUTIONS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: VIET NHAT SOLUTIONS CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 3702887941

3. Ngày thành lập: 29/06/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

2/3 Khu phố Bình Phước A, Phường Bình Chuẩn, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
2.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
3.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
4.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
5.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
6.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
7.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
8.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
9.	Xây dựng nhà để ở	4101
10.	Xây dựng nhà không để ở	4102
11.	Xây dựng công trình điện	4221
12.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
13.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
14.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
15.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
16.	Phá dỡ	4311
17.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
18.	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Thi công, lắp đặt điện năng lượng mặt trời và các hệ thống điện trong các công trình xây dựng khác	4321
19.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322

20.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
21.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
22.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
23.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
24.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
25.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
26.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
27.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
28.	Bán mô tô, xe máy	4541
29.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
30.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
31.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa	4610
32.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
33.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
34.	Bán buôn thực phẩm	4632
35.	Bán buôn đồ uống	4633
36.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
37.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
38.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
39.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651(Chính)
40.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
41.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
42.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
43.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
44.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
45.	Bán buôn tổng hợp	4690
46.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
47.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
48.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
49.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
50.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
51.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
52.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764

53.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
54.	Chương trình cáp, vệ tinh và các chương trình thuê bao khác	6022
55.	Hoạt động viễn thông có dây	6110
56.	Hoạt động viễn thông không dây	6120
57.	Hoạt động viễn thông vệ tinh	6130
58.	Hoạt động viễn thông khác	6190
59.	Lập trình máy vi tính	6201
60.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
61.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
62.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
63.	Cổng thông tin	6312
64.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
65.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
66.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
67.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
68.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
69.	Quảng cáo	7310
70.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
71.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
72.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn lắp đặt hệ thống pin, điện thu nạp năng lượng mặt trời, Kiểm định các loại vật liệu trong xây dựng	7490
73.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
74.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
75.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
76.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
77.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
78.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
79.	Dịch vụ điều tra	8030
80.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
81.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
82.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130

83.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
84.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
85.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
86.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
87.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
88.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
89.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
90.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
91.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
92.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529
93.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp - Tư vấn dự án, lập dự toán công trình, thẩm tra dự toán, thẩm định dự toán công trình, dự án - Kiểm tra chất lượng công trình - Thẩm tra thiết kế công trình, dự án; Thẩm định thiết kế công trình, dự án - Thiết kế kiến trúc các công trình năng lượng mặt trời và các công trình khác	7110
94.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGÔ THỊ THÙY VÂN	Khu phố Thạnh Lợi, Phường An Thạnh, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	1.500.000.000	30,000	280834676	
2	HUỖNH THANH VÊN	Khu phố Bình Phước A, Phường Bình Chuẩn, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	3.500.000.000	70,000	280862928	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: HUỲNH THANH VỆ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 14/07/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 280862928

Ngày cấp: 30/03/2011

Nơi cấp: Công an tỉnh Bình Dương

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố Bình Phước A, Phường Bình Chuẩn, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Khu phố Bình Phước A, Phường Bình Chuẩn, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương